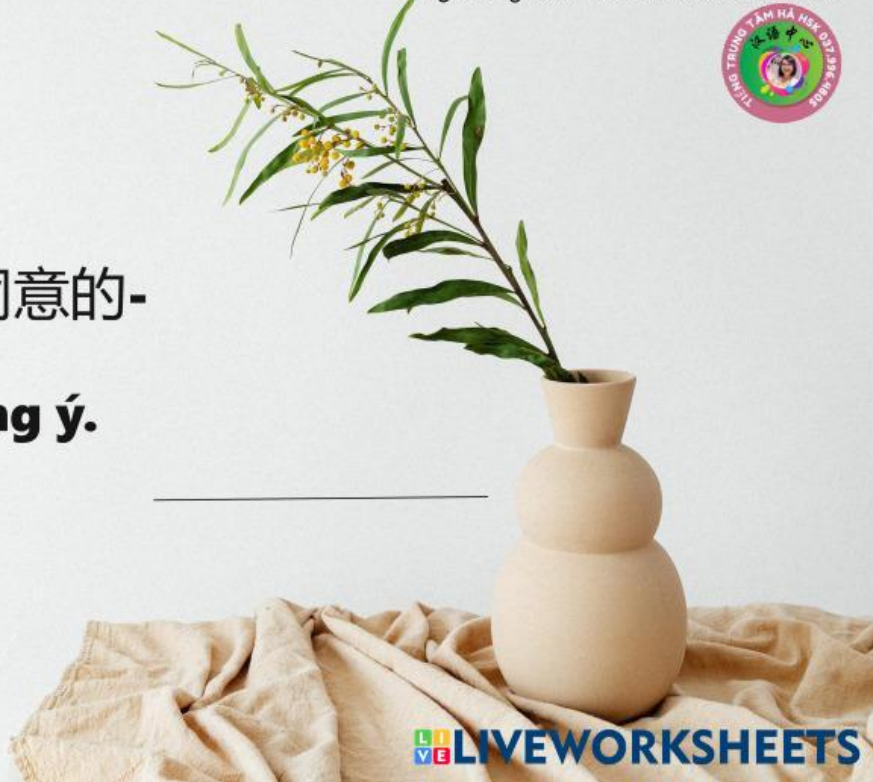




第18课：我相信他们会同意的-

Bài 18: Tôi tin họ sẽ đồng ý.





xiàng

向

1

wàn

万

2

zhī

只

3

zuǐ

嘴

4

dòng wù

动物

5

duàn

段

6

bú dàn ... ér qiě

不但...而且

7

yǒu míng

有名

8



guān yú
关于

9

tóng yì
同意

10

xiāng xìn
相信

11

guó jiā
国家

12

tè diǎn
特点

13

qí guài
奇怪

14

jī huì
机会

15

de
地

16

zhǒng
种

17

课文 1: 在打电话

Text 2 On the phone



Péng yǒu :lǎo zhōu,wǒ dǎ suàn mǎi fáng zi le,xiǎng xiàng nǐ jiè diǎnr qián.

朋友：老周，我打算买房子了，想向你借点儿钱。

Zhōu míng: méi wèn tí,zhǐ yào wǒ yǒu,jiù yí dìng huì jiè gěi nǐ de.

周明：没问题，只要我有，就一定会借给你的。

Hái chà duō shǎo ?
还差多少？

Péng yǒu: hái chà wǔ wàn kuài qián.

朋友：还差5万块钱。

Zhōu míng: hǎo,qián xià wǔ dǎ gěi nǐ.Nǐ dǎ suàn zài nǎr mǎi fáng ?

周明：好，钱下午打给你。你打算在哪儿买房？

Péng yǒu : jiù zài wǒ men yī yuàn qián miàn.

朋友：就在我们医院前面。

Zhōu míng: nà nǐ yǐ hòu qù yī yuàn jiù fāng biàn le .

周明：那你以后去医院就方便了。

课文 1: 在打电话

Text 2 On the phone



朋友：老周，我打算买房子了，想向你借点儿钱。

周明：没问题，只要我有，就一定会借给你的。

还差多少？

朋友：还差5万块钱。

周明：好，钱下午打给你。你打算在哪儿买房？

朋友：就在我们医院前面。

周明：那你以后去医院就方便了。

课文 1: 在打电话

Text 2 On the phone



Bạn: Lão Chu, tớ định mua nhà rồi, muốn vay cậu chút tiền.

Chu Minh: Không vấn đề gì, chỉ cần tớ có, nhất định sẽ cho cậu vay.

Còn thiếu bao nhiêu?

Bạn: Còn thiếu 50 nghìn tệ.

Chu Minh: Được, tớ sẽ chuyển tiền cho cậu vào chiều nay.

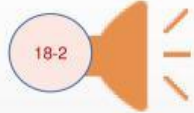
Cậu định mua nhà ở đâu?

Bạn: Ngay trước bệnh viện chúng ta.

Chu Minh: Vậy sau này đi bệnh viện sẽ tiện hơn rồi.

课文 2: 在商店

Text 2 In a store



Xiǎo míng :mā ma,nǐ kàn nà zhī gǒu duō kě ài ,yǎn jīng dà dà de ,
小明：妈妈，你看那只狗多可爱，眼睛大大的，
Zuǐ xiǎo xiǎo de , wǒ men mǎi huí qù ba.
嘴小小的，我们买回去吧。

Mā ma :dòng wù hé xiǎo hái r yí yàng , dōu xū yào rén zhào gù .Mǎi huí jiā
妈妈：动物和小孩儿一样，都需要人照顾。买回家
shuí zhào gù tā a ?
谁照顾它啊？

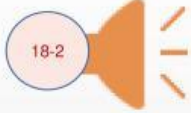
Xiǎo míng : wǒ zhào gù a.
小明：我照顾啊。

Mā ma :zhè duàn shí jiān nǐ zì jǐ de yī fu dōu méi xǐ ,nǐ néng zhào gù hǎo tā ma ?
妈妈：这段时间你自己的衣服都没洗，你能照顾好它吗？

Xiǎo míng: zhǐ yào nǐ gěi wǒ mǎi, wǒ jiù néng zhào gù hǎo tā .
小明：只要你给我买，我就能照顾好它。

课文 2: 在商店

Text 2 In a store



小明：妈妈，你看那只狗多可爱，眼睛大大的，
嘴小小的，我们买回去吧。

妈妈：动物和小孩儿一样，都需要人照顾。买回家
谁照顾它啊？

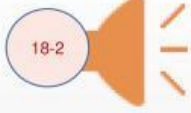
小明：我照顾啊。

妈妈：这段时间你自己的衣服都没洗，你能照顾好它吗？

小明：只要你给我买，我就能照顾好它。

课文 2: 在商店

Text 2 In a store



Tiểu Minh: Mẹ ơi, nhìn con chó kia dễ thương quá, mắt to, mũi nhỏ, mình mua về nhé.

Mẹ: Động vật cũng giống như trẻ con, đều cần người chăm sóc.
Mua về nhà, ai sẽ chăm nó đây?

Tiểu Minh: Con sẽ chăm nó.

Mẹ: Dạo này quần áo của con còn chưa giặt xong,
con có thể chăm sóc nó được không?

Tiểu Minh: Chỉ cần mẹ mua cho con, con sẽ chăm sóc nó tốt.

课文 3: 在公司

Text 3: In the company

18-3



Jīng lǐ: shuō shuō nǐ wèi shén me xuǎn zé lái wǒ men gōng sī gōng zuò.

经理：说说你为什么选择来我们公司工作。

xué shēng: guì gōng sī bú dàn hěn yǒu míng, ér qiě gōng zuò huán jìng hǎo.

学生：贵公司不但很有名，而且工作环境好。

Jīng lǐ: zuò zhè ge gōng zuò yǒu diǎnr lèi, xū yào jīng cháng qù wài dì.

经理：做这个工作有点儿累，需要经常去外地。

Nǐ jiā rén tóng yì ma?

你家人同意吗？

Xué shēng: zhǐ yào wǒ yuàn yì, wǒ xiāng xìn tā men jiù huì tóng yì de.

学生：只要我愿意，我相信他们就会同意的。

Jīng lǐ: hǎo, nà nǐ míng tiān lái shàng bān ba, guān yú zhè ge gōng zuò,

经理：好，那你明天来上班吧。关于这个工作，

hái yǒu shén me wèn tí ma?

还有什么问题吗？

Xué shēng: méi yǒu le, xiè xiè nín gěi wǒ zhè ge jī huì, wǒ huì nǔ lì de.

学生：没有了，谢谢您给我这个机会，我会努力的。

课文 3: 在公司

Text 3: In the company



Giám đốc: Nói thử xem tại sao bạn chọn làm việc ở công ty chúng tôi.

Ứng viên: Công ty của quý công ty không chỉ nổi tiếng

mà môi trường làm việc cũng tốt.

Giám đốc: Công việc này hơi vất vả, cần thường xuyên đi công tác ngoài tỉnh.

Gia đình bạn có đồng ý không?

Ứng viên: Chỉ cần tôi muốn, tôi tin họ sẽ đồng ý.

Giám đốc: Tốt, vậy bạn mai đến đi làm nhé.

Về công việc này, còn câu hỏi gì không?

Ứng viên: Không còn gì nữa, cảm ơn ông đã cho tôi cơ hội này, tôi sẽ cố gắng.

课文 4:

Text 4



Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



Bù tóng de guó jiā yǒu bù tóng de wén huà, měi zhǒng wén huà dōu yǒu zì jǐ de tè diǎn.

不同的国家有不同的文化，每种文化都有自己的特点。



Dào le yí ge xīn huán jìng, nǐ huì jué de shén me dōu hěn xīn xiān,

到了一个新环境，你会觉得什么都很新鲜，

ér qiě hái huì jué de yǒu diǎn qí guài: yǒu xiē guó jiā de rén míng xiě zài xìng qián miàn,

而且还会觉得有点奇怪：有些国家的人名写在姓前面，

yǒu xiē guó jiā de rén míng xiě zài xìng hòu miàn, dàn shì zhǐ yào jīng guò yí duàn shí jiān,

有些国家的人名写在姓后面，但是只要经过一段时间，

jiù huì màn màn de xí guàn.

就会慢慢地习惯。

课文 4:

Text 4



不同的国家有不同的文化，每种文化都有自己的特点。



到了一个新环境，你会觉得什么都很新鲜，

而且还会觉得有点奇怪：有些国家的人名写在姓前面，

有些国家的人名写在姓后面，但是只要经过一段时间，

就会慢慢地习惯。

课文 4:

Text 4

18-4



Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



Các quốc gia khác nhau có những văn hóa khác nhau, mỗi nền văn hóa đều có đặc điểm riêng.

Khi đến một môi trường mới, bạn sẽ thấy mọi thứ rất mới mẻ, và còn thấy hơi lạ: có nước thì tên viết trước họ, có nước thì viết sau họ, nhưng chỉ cần trải qua một thời gian, bạn sẽ dần dần quen với điều đó.

 **LIVEWORKSHEETS**